

Személyes

Bejelentések és Meghívók



Bejelentések és Meghívók - Születés

vietnámi

Chúng tôi rất vui mừng thông báo sự ra đời của bé...

Amikor egy pár be szeretné jelteni a kisbabájuk születését

Tôi xin vui mừng thông báo... đã sinh một bé trai/bé gái.

Amikor egy harmadik fél jelenti be a baba születését

Chúng tôi xin vui mừng thông báo rằng gia đình chúng tôi vừa chào đón một bé trai/bé gái.

Amikor egy pár be szeretné jelteni a kisbabájuk születését

Chúng tôi xin vui mừng giới thiệu bé trai/bé gái nhà chúng tôi...

Amikor egy pár be szeretné jelteni a kisbabájuk születését, általában képeslapon a kisbaba képével

Mười ngón tay xinh, mười ngón chân xinh. Cùng giờ và đếm, thêm thành viên cho gia đình. Chúng tôi,... và..., xin vui mừng thông báo bé... đã chào đời.

Gyakori angol mondás, amikor egy pár beszeretné jelteni a kisbabájuk születését

Chúng tôi xin vui mừng đón chào sự ra đời của bé...

Amikor egy pár be szeretné jelteni a kisbabájuk születését

Chúng tôi xin vui mừng giới thiệu thành viên mới nhất của gia đình chúng tôi...

Amikor egy pár be szeretné jelteni a kisbabájuk születését

Chúng tôi xin vui mừng thông báo bé trai/bé gái của chúng tôi đã chào đời.

Amikor egy pár be szeretné jelteni a kisbabájuk születését

német

Wir freuen uns über die Geburt von...

Ich freue mich, Ihnen/Euch berichten zu können, dass ... nun einen kleinen Sohn/eine kleine Tochter haben.

Wir freuen uns über die Geburt unseres kleinen Sohnes/Töchterchens.

Es ist uns eine große Freude, die Geburt unserer Tochter/unseres Sohns bekanntzugeben.

Wenn Träume Hand und Fuß bekommen und aus Wünschen Leben wird, dann kann man wohl von einem Wunder sprechen. Wir freuen uns über die Geburt von...

Wir sind übergücklich und dankbar für die Geburt unseres/unserer...

Wir freuen uns, den neuesten Familienzuwachs bekanntzugeben...

Wir sind übergücklich, die Geburt unseres Sohns/unserer Tochter bekanntzugeben.

Bejelentések és Meghívók - Eljegyzés

vietnámi

német

Személyes

Bejelentések és Meghívók

... và... đã đính hôn.

Eljegyzés bejelentésénél

... und ... haben sich verlobt.

... xin vui mừng thông báo đã đính hôn.

Eljegyzés bejelentésénél

... freuen sich, ihre Verlobung bekanntzugeben.

Chúng tôi xin vui mừng thông báo... và... đã đính hôn.

Eljegyzés bejelentésénél

Wir freuen uns, die Verlobung von ... und ... bekanntzugeben.

Ông... và bà... xin thông báo con gái... đã đính hôn với ..., con trai của ông... và bà... Dự kiến đám cưới của hai cháu sẽ diễn ra vào tháng Tám.

Hagyományos, amikor a szülők akarják bejelenteni a lányuk eljegyzését

Herr und Frau ... aus ... geben die Verlobung ihrer Tochter ... mit ... , Sohn von Herrn und Frau ... (ebenfalls) aus ... , bekannt. Die Hochzeit ist für August geplant.

Mời bạn đến tham dự lễ đính hôn của... và...

Eljegyzési partira meghívó

Feiern Sie mit uns die Verlobung von ... und

Trân trọng mời bạn đến tham dự lễ đính hôn của... và... vào ngày...

Eljegyzési partira meghívó

Sie sind herzlich zur Verlobungsfeier von ... und ... am ... eingeladen.

Bejelentések és Meghívók - Házasság vietnámi

Chúng tôi xin vui mừng thông báo hai cháu... và... sắp thành hôn.

Házasság bejelentésénél

német

Wir freuen uns, die Hochzeit von ... und ... bekanntzugeben.

Cô... sẽ sớm trở thành bà...

Amikor egy nő esküvőjét jelentik be

Frau ... wird bald Frau ... heißen.

Cô dâu... và chú rể... xin trân trọng mời bạn tham dự lễ thành hôn của hai người. Mong bạn có thể đến tham dự và chung vui cùng hai bên gia đình trong ngày trọng đại này.

Pár által használt meghívó formula

Herr ... und Frau ... würden sich über Ihre Teilnahme an ihrer Hochzeit sehr freuen. Sie sind herzlich eingeladen, diesen besonderen Tag mit Ihnen zu genießen.

Személyes

Bejelentések és Meghívók



Chúng tôi,... và... ,xin trân trọng mời ông / bà đến tham dự lễ thành hôn của hai cháu nhà chúng tôi vào ngày... tại...

Amikor házasulandók szülei hívnak meg valakit

Herr und Frau ... würden sich über Ihre Teilname an der Hochzeit ihres Sohns/ihrer Tochter am ... sehr freuen.

Thân mời bạn... đến tham dự lễ thành hôn của... và... vào ngày... tại...

Amikor a pár hívja meg a közeli barátokat

Weil Du in unserem Leben eine wichtige Rolle spielst, würden wir uns sehr über Deine Teilnahme an unserer Hochzeit am ... im ... freuen.

Bejelentések és Meghívók - Összejövetelek / Különleges események

vietnámi

Chúng tôi xin trân trọng mời bạn đến chung vui cùng chúng tôi vào ngày... tại... nhân dịp...

Valamilyen szociális eseményre való meghíváskor

német

Wir würden uns sehr freuen, wenn Du Dich uns am ... um ... für ... anschließen würdest.

Chúng tôi trân trọng mời bạn đến dùng bữa tối cùng chúng tôi để ăn mừng...

Vacsorameghívás

Wir bitten zum Abendessen, um ... zu feiern.

Trân trọng mời bạn đến tham dự...

Hivatalos, hivatalos eseményekre való meghíváskor. Gyakran használt vállalati vacsorameghíváskor

Sie sind herzlich zu ... eingeladen.

Chúng tôi xin mời bạn đến tham dự một buổi tiệc giữa bạn bè để ăn mừng...

Hivatalos, közeli barátok meghívása valamilyen fontos szociális eseményre

Gemeinsam mit unseren Freunden wollen wir ... feiern. Wir würden uns sehr freuen, wenn Du kommen könntest.

Chúng tôi rất mong bạn sẽ có mặt.

Meghívóban a meghívás után használják annak megerősítésére, hogy nagyon szeretnéd, hogy a meghívott személy elmenjen

Wir würden uns über Deine Teilnahme sehr freuen.

Bạn có muốn đến... nhân dịp... không?

Közvetlen, barátok meghívása

Hättest Du Lust, für ... zu ... zu kommen?